VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2018/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2018*

THÔNG TƯ

Quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành mẫu biên bản và mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng; người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng và cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 3. Mẫu biên bản và quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2. Ngoài các mẫu biên bản, mẫu quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền có thể áp dụng các mẫu biên bản, mẫu quyết định khác ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2018 và thay thế Thông tư số 53/2013/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ

PHỤ LỤC

Mẫu Biên bản, mẫu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2018/TT-BGTVT ngày 28/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mã số	Tên mẫu
I.	**MẪU QUYẾT ĐỊNH**
MQĐ01	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, theo thủ tục xử phạt không lập biên bản
MQĐ02	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ03	Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ04	Quyết định giảm/miễn phần còn lại (toàn bộ) tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ05	Quyết định về việc nộp tiền phạt nhiều lần trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ06	Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ07	Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản
MQĐ08	Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt
MQĐ09	Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ10	Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả
MQĐ11	Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng (do không xác định được người vi phạm/người vi phạm không đến nhận)
MQĐ12	Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ13	Quyết định tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

MQĐ14	Quyết định tịch thu tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ15	Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ16	Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ17	Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ18	Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ19	Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ20	Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ21	Quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự
MQĐ22	Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ23	Quyết định chấm dứt việc tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ24	Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ25	Quyết định về giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ26	Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ27	Quyết định đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MQĐ28	Quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
II.	**MẪU BIÊN BẢN**
MBB01	Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB02	Biên bản phiên giải trình trực tiếp về vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

MBB03	Biên bản về việc cá nhân/tổ chức vi phạm không nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB04	Biên bản cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB05	Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB06	Biên bản trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB07	Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB08	Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB09	Biên bản bàn giao người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB10	Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB11	Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB12	Biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
MBB13	Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

MQĐ01

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số *(No.)*: /QĐ-XPVPHC	....[2], *ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, theo thủ tục xử phạt không lập biên bản
DECISION
On sanctioning of administrative violations in the field of civil aviation, without written minutes

Căn cứ Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 56 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Nghị định số...../.../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Pursuant to Decree No..../..../ND-CP dated.../.../... by the Government on Sanctioning of administrative violations in the field of civil aviation;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

*In accordance with the Decision on Delegation of power to handle administrative violations No...../*QD-GQXP*... dated... (if any);*

Tôi (*I am)*:..... Chức vụ (*Position*):.....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản đối với (ông/bà/tổ chức) có tên sau đây:

---

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính/*Organization's name of the person who has competence to handle the administrative violations.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

Article 1. *To sanction the administrative violations, without written minutes, committed by Mr./Mrs./Organization as the following name:*

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính (Sex): .....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):.../.../..... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/ Passport No.*):..... ngày cấp (*date of issue*):.../.../....; Nơi cấp (*place of issue*): .....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Violating organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification No.*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động *(Investment Registration Certificate/Enterprise Registration Certificate or Decision on Establishment/Business Registration No.):* .....

Ngày cấp (*Date of issue*):.../..../.....; nơi cấp (*Place of issue*): .....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[3]:.....

Giới tính (*Sex*):.....

Chức danh (*Position*)[4]:.....

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính (*Has committed the following acts of administrative violations*)[5] .....

3. Quy định tại điểm (*As provided for in sub-paragraph*)..... khoản (*paragraph*)... Điều (*Article*)... Nghị định số (*Decree No.*)..../.../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực...[6].....

---

[3] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organization if it is not an enterprise.*

[4] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

[5] Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm/*Summarize the act of violations.*

[6] Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể/*Sub-paragraph, paragraph and article of the decree on the sanctioning of administrative violations in specific fields.*

(*dated..../.../.... by the Government on sanctioning of administrative violations in the field of...*[6].....);

4. Địa điểm xảy ra vi phạm (*Location where the violations occurred*): .....

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm, nếu có (*Circumstances relating to the settlement of violations, if any*): .....

Điều 2. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng:

Article 2. *The following sanctioning forms and remedial measures are applied:*

1. Hình thức xử phạt chính (*The principal sanctioning form*):[7] ..... .

Mức phạt (*Fine level*):[8] .....

(Bằng chữ/*in words*:.....)

2. Hình thức xử phạt bổ sung, nếu có (*the additional sanctioning form(s), if any*):[9].....

3. Biện pháp khắc phục hậu quả, nếu có (*Remedial measures, if any*)[10]: .....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 3: *This Decision shall take effect from the date of signature.*

Điều 4. Quyết định này được:

Article 4: *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)[11]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành

---

[7] Ghi rõ một trong các hình thức xử phạt quy định tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính (cảnh cáo hoặc phạt tiền)/ *One of the sanctioning forms specified in Degree on Sanctioning of administrative violations applied (caution or fine).*

[8] Trường hợp phạt tiền, thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ/*In case of fine, the fine level shall be indicated in numbers and in words.*

[9] Ghi hình thức xử phạt bổ sung (trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hoặc số tiền (ghi cả bằng số và bằng chữ) tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ)/*Describe the additional sanctioning form applied (In case of deprivation of the right to use licences, professional practice certificates or suspension of operation for a definite time, the time and duration of deprivation or suspension shall be clearly stated; In case of confiscation of exhibits, vehicles related to administrative violations, clearly inscribe the names of exhibits, vehicles related to administrative violations of confiscation, the unit of calculation, quantities, categories, condition, quality or money amounts (in both numbers and words) equivalent to the value of the exhibits, vehicles used in the violations, which have been appropriated or illegally used for administrative violations in the case of confiscation, minutes, if recorded, must be attached).*

[10] Ghi cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải thực hiện/*Specify the remedial measures that the violating individuals/organizations are obliged to take.*

[11] Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm/*Full name of the violating individuals/ representative of the violating organization.*

(the violating individual/representative of violating organization named in Article 1 of this decision for execution).

a) Trong trường hợp bị xử phạt tiền *(in case of being fined)*, ông/bà/tổ chức (*Mr. Mrs./Organization*) có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt (*named in Article 1 pays the fine directly to the person who has issued the Decision to handle the administrative violations*).

Trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ (*if not paying fines on the spot*), ông/bà/tổ chức *(Mr./Mrs./Organization)* có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại (*named in Article 1 shall pay the fine at*)[12]..... hoặc nộp tiền phạt vào tài khoản số *(or pay the fine to the account No.)*:[13]..... của *(of)* [14]..... trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này *(within ten (10) days from the date on which the violators received this sanctioning Decision).*

b) Thời hạn thực hiện hình thức xử phạt bổ sung là (*the time limit for application of the additional sanctioning form(s) shall be)*..... ngày *(days)*; thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là (*the time limit for application of remedial measures shall be*).... ngày *(days)*, kể từ ngày nhận được Quyết định này (*from the date on which the violators received this sanctioning Decision).*

Nếu quá thời hạn trên mà ông/bà/tổ chức (*After the expiry of this time limit, if Mr./Mrs./Organization*)[15]..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật *(fail to voluntarily execute this Decision, they shall be subjected to the execution enforcement in accordance with the stipulations of law).*

c) Ông/bà/Tổ chức có tên tại Điều 1 bị tạm giữ (*The following doccuments are seized from Mr./Mrs./Organization named in Article 1*)[16]..... để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt *(in order to ensure the execution of the Decision on sanctioning).*

---

[12] Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt/*Name, address of State Treasury or name, address of Commercial Banks which are mandated by the State Treasury to collect fines*.

[13] Ghi số tài khoản mà cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp tiền phạt trực tiếp hoặc chuyển khoản của Kho bạc nhà nước/*Account No. of State Treasury, to which violating individuals, organizations must pay directly the fine or transfer the fines*.

[14] Ghi tên của Kho bạc nhà nước/*Name of State Treasury.*

[15] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm/*Full name of the violating individuals/name of organizations.*

[16] Trong trường hợp quyết định xử phạt chỉ áp dụng hình thức phạt tiền mà cá nhân/tổ chức vi phạm không có tiền nộp phạt tại chỗ, thì ghi rõ các loại giấy tờ được tạm giữ quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính/*In case the sanctioning decisions only apply the form of fine and the violating individuals/organizations fail to pay fines on the spot, specify the temporarily seized papers prescribed in Paragraph 6, Article 125 of the Law on Handling of Administrative Violations.*

d) Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)[17]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật *(reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho (*Sent to*)[18]..... để thu tiền phạt *(for the fine collection)*.

3. Gửi cho (*Sent to*)[19]..... để tổ chức thực hiện *(for the implementation).*

4. Gửi cho (*Sent to*)[20]..... để biết *(for information)*.

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 4 (*As mentioned in Article 4*);
- Lưu (*Filing*):....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, position, full name)

[17] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm/*Full name of the violating individuals/Full name of organizations.*

[18] Kho bạc nhà nước/*State Treasury*.

[19] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Specify the name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

[20] Ghi họ và tên của cha/mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên trong trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật xử lý vi phạm hành chính/*Full name of the father/mother or guardian of the juvenile in case the juvenile offender is subject to a warning as prescribed in paragraph 1, Article 69 of the Law on Handling of Administrative Violations.*

MQĐ02

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom- Happiness**
Số *(No.)*: /QĐ-XPVPHC	..[2].., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On sanctioning of administrative violations in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 57 and Article 68 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Nghị định số.../..../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Pursuant to Decree No..../.../ND-CP dated... by the Government on Sanctioning of administrative violations in the field of civil aviation;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số..../BB-VPHC lập ngày..../..../.....;

Based on the Minutes on administrative violations No..../BB-VPHC dated.../.../....;

Căn cứ Biên bản phiên giải trình trực tiếp số..../BB-GTTT lập ngày...../..../..... (nếu có);

Based on the Minutes on explanations No...../BB-GTTT dated..../..../.... (if any);

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số..../BB-XM lập ngày...../...../..... (nếu có);

Based on the Minutes on verification of the circumstances of the case of administrative violations No...../BB-XM dated...../..../..... (if any);

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-GQXP ngày..../..../..... (nếu có);

---

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính/*Organization's name of the person who has competence to handle the administrative violations.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

*In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No...../*QD-GQXP*... dated... (if any);*

Tôi *(I am)*:..... Chức vụ (*Position*):.....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với (ông/bà/tổ chức) có tên sau đây:

Article 1. *To sanction the administrative violations committed by (Mr./Mrs./Organization) as the following name:*

<1. Họ và tên/*full name*>:..... Giới tính (*sex*): .....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../..... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/Passport No.*):..... ngày cấp (*date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*place of issue*):.....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification No.*):.....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/ establishment Licence No.*): .....

Ngày cấp (*date of issue*):...../...../.....; nơi cấp (*place of issue*): .....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[3]: ..... Giới tính (*Sex*): .....

Chức danh (*Position*)[4]:.....

[3] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organization if it is not an enterprise.*

[4] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính (*Has committed the following acts of administrative violations*)[5] .....

3. Quy định tại điểm... khoản... Điều...Nghị định số.../.../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực.....[6]..... (*As provided for in sub-paragraph..., paragraph..., Article... of the Decree No..../.../ND-CP dated... by the Government on sanctioning of administrative violations in the field of.....*);

4. Các tình tiết tăng nặng, nếu có (*The aggravating circumstances, if any*):.....

5. Các tình tiết giảm nhẹ, nếu có (*The extenuating circumstances, if any*):.....

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau (*The following sanctioning forms and remedial measures are applied*):

a) Hình thức xử phạt chính (*The principal sanctioning forms*)[7]: .....

Cụ thể (*detailed*):[8] .....

b) Hình thức xử phạt bổ sung, nếu có (*The additional sanctioning forms, if any)*:[9].....

c) Biện pháp khắc phục hậu quả, nếu có (*Remedial measures, if any)*:[10] .....

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả (*the time limit for application of remedial measures*)[11]..... ngày (*days*), kể từ ngày nhận được Quyết định này (*from the date of receiving this Decision*).

---

[5] Ghi tóm tắt hành vi vi phạm/*Summarize the act of violations.*

[6] Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể/*Sub-paragraph, paragraph and article of the decree on the sanctioning of administrative violations in specific fields.*

[7] Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng (cảnh cáo/phạt tiền)/*Specify the principal sanction forms (warning/fines).*

[8] Ghi chi tiết hình thức xử phạt chính đã áp dụng (trường hợp phạt tiền, thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ)/*Describe in detail the principal sanctioning form (in case of fine, clearly state the fine in numbers and words).*

[9] Ghi hình thức xử phạt bổ sung (trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hoặc số tiền (ghi cả bằng số và bằng chữ) tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ)/*Detail the additional sanctioning form applied (In case of deprivation of the right to use licences, professional practice certificates or suspension of operation for a definite time, the time and duration of deprivation or suspension shall be clearly stated; In case of confiscation of exhibits, vehicles related to administrative violations, clearly inscribe the names of exhibits, vehicles related to administrative violations of confiscation, the unit of calculation, quantities, categories, condition, quality or money amounts (in both numbers and words) equivalent to the value of the exhibits, vehicles used in the violations, which have been appropriated or illegally used for administrative violations in the case of confiscation, minutes, if recorded, must be attached).*

[10] Ghi cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải thực hiện/*Specify the remedial measures that the violating individuals/organizations must perform.*

[11] Ghi cụ thể thời hạn thực hiện của từng biện pháp khắc phục hậu quả/*Specify the application time limit of each remedial measure.*

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả *(The violating individuals/organizations shall be required to reimburse all expenses for the application of remedial measures).*

Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là (*Mr./Mrs./Organization named in this Article must reimburse following money amounts*):..... (Bằng chữ/*in words*:.....) cho (*for*)[12]:..... là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính *(the competent authority has applied the remedial measures in accordance with paragraph 5 Article 85 of the Law on Handling of Administrative Violations).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...../...../.....

Article 2. *This Decision shall take effect from date..../..../.....*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)[13]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành *(the violating individuals/the legal representative of violating organization named in Article 1 of this Decision for execution).*

Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông/bà/tổ chức (*Mr./Mrs./Organization named in Article 1 shall have responsibility to strictly implement this Decision. After the expiry of this time limit, if Mr. Mrs./Organization*)[14]..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật *(fail to voluntarily execute this Decision, they shall be subjected to the execution enforcement in accordance with the stipulations of law).*

---

[12] Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, cơ quan nhà nước đã tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì ghi tên của cơ quan đã thi hành biện pháp khắc phục hậu quả/*In case of emergency where consequences should be promptly remedied in order to protect the environment and assure traffic, the State agencies organized the implementation of remedial measures as provided for in paragraph 5 Article 85 of of the Law on Handling of Administrative Violations, specify names of those agencies.*

[13] Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm/*Full name of the violating individuals/ representative of violating organizations.*

[14] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm/*Full name of the violating individuals/organizations.*

Trường hợp không nộp tiền phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính, ông/bà/tổ chức (*In case of not paying the fine directly to the person who has competence to sanction administrative violations according to paragraph 2, Article 78 of the Law on Handling of Administrative Violations, Mr./Mrs./Organization*)..... phải nộp tiền phạt tại *(must pay the fine at)*[15]..... hoặc nộp tiền phạt vào tài khoản số (*or transfer the fine to account No.*)..... của Kho bạc nhà nước (*of the State Treasury*)..... trong thời hạn *(within)*..... ngày *(days)*, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt *(from the date of receiving the sanctioning decision)*.

Ông/bà/tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law)*.

2. Gửi cho (*Sent to*)[16]..... để thu tiền phạt (*for the fine collection*).

3. Gửi cho (*Sent to*)[17]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation*).

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
Person issuing the Decision
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận: (Copied to)
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);
- Lưu *(Filing)*:...

[15] Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt/*Name, address of the State Treasury or name, address of Commercial Bank which are authorized by the State Treasury to collect fines*.

[16] Ghi tên của Kho bạc nhà nước/*Name of the State Treasury*.

[17] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Specify the name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ03

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số *(No.)*: /QĐ-HTHQĐPT	..[2].., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...*

QUYẾT ĐỊNH
Hoãn thi hành quyết định phạt tiền trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On postponement of the fine execution in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 76 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 76 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-XPVPHC ngày.../.../... của.....;

Based on the Decision on sanctioning of administrative violations No...../QD-XPVPHC dated..... by.....;

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No...../QD-GQXP... dated... (if any);

Xét Đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày.../...../.... của ông/bà:[3]..... được[4]..... xác nhận,

In consideration of the written request on postponement of the execution of Decision on sanctioning of administrative violations dated..../..../.... submitted by Mr./Mrs....., which is certified by.....;

Tôi *(I am)*:..... Chức vụ (*Position*):.....

---

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

[3] Ghi họ và tên của cá nhân bị phạt tiền/*Full name of the individuals who are fined.*

[4] Ghi tên của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cá nhân bị phạt tiền cư trú hoặc tên của cơ quan, tổ chức nơi người bị phạt tiền đang học tập, làm việc đã thực hiện việc xác nhận/*Name of the People's Committee of the commune, ward or township where the violators living or name of organizations where the violators working for or studying, which certified the Request.*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày... tháng... năm.... của .....

Article 1. *To postpone the execution of fines as referred to in the Decision on sanctioning of administrative violations No...../QD-XPVPHC dated.../.../... by.....*

1. Thời gian hoãn kể từ ngày (*The postponement period shall be from*)...../...../..... đến *(to)*...../...../.....

2. Ngay sau khi hết thời hạn được hoãn nêu trên, ông/bà (*Upon the time such period has been expired, Mr./Mrs.*):..... phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định phạt tiền, nếu không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật (*shall have to strictly execute the fining decision; otherwise, he/she shall be subjected to the execution enforcement in accordance with the stipulations of law).*

3. Ông/bà (*Mr./Mrs.*)..... được nhận lại (*shall get the following items back*)[5] .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature*.

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)..... để chấp hành *(for execution).*

2. Gửi cho (*Sent to*)[6]..... để tổ chức thực hiện *(for the implementation)*./.

Nơi nhận: (Copied to)
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);
- Lưu (*Filing*):....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
Person issuing the Decision
(Signature, full name, title and stamp)

[5] Ghi cụ thể loại giấy tờ hoặc tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính/*Specify documents, exhibits, vehicles related to administrative violations temporarily seized as provided for in Paragraph 6 Article 125 of Law on handling the administrative violations.*

[6] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Specify the name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ04

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (No.):...../QĐ-<.....>[2]

....[3].., ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...

QUYẾT ĐỊNH
(Giảm/Miễn phần còn lại hoặc toàn bộ)[4] tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
(On reduction of/exemption from remaining or whole)[4] fine amounts imposed for administrative violations in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 77 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-XPVPHC ngày... tháng... năm... của.....;

Based on the Decision on sanctioning of administrative violations No..../QD-XPVPHC dated..... by.....;

Căn cứ Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền số...../QĐ-HTHQĐPT ngày... tháng... năm..... của.....;

Based on the Decision on the postponement of fine execution of Decisions No..../QD-XPVPHC dated..... by.....;

Xét Đơn đề nghị *(giảm/miễn phần còn lại/toàn bộ)*[5] tiền phạt vi phạm hành chính ngày..../...../..... của ông/bà[6]..... được[7]..... xác nhận,

---

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Trường hợp giảm tiền phạt, thì ghi "**.../QĐ-GTP**". Trường hợp miễn, ghi trong quyết định xử phạt, thì ghi "**.../QĐ-MTP**"/*Inscribe "....**/QĐ-GTP**" in case of reduction. Inscribe "...**/QĐ-MTP**" in case of exemption.*

[3] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

[4] Nếu giảm tiền phạt, thì ghi "**giảm**"; nếu miễn phần còn lại tiền phạt, thì ghi "**miễn phần còn lại**"; nếu miễn toàn bộ tiền phạt, thì ghi "**miễn toàn bộ**"/*Inscribe "Reduction of/Exemption from the remaining fine/Exemption from the whole fine" according to specified cases.*

[5] Nếu giảm tiền phạt, thì ghi "**giảm**"; nếu miễn phần còn lại tiền phạt, thì ghi "**miễn phần còn lại**"; nếu miễn toàn bộ tiền phạt, thì ghi "**miễn toàn bộ**"/*Inscribe "Reduction/Exemption from the remaining fine/Exemption from the whole fine" according to specified cases.*

[6] Ghi họ và tên của cá nhân bị phạt tiền/*Full name of the fined individuals.*

[7] Ghi tên của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cá nhân bị phạt tiền cư trú hoặc tên của cơ quan, tổ chức nơi người bị phạt tiền đang học tập, làm việc đã thực hiện việc xác nhận/*Name of the People's Committee of the commune, ward or township where the violators living or name of organizations where the violators working for or studying, which certified the Request.*

In consideration of the written request submitted by Mr./Mrs.... dated.../.../... (for reduction of or exemption from the remaining or whole)[5] *fine amounts imposed for administrative violations which has been certified by*[7].....

Tôi (*I am):*.....Chức vụ (*Position*):..... .....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. *"Giảm/Miễn phần còn lại (toàn bộ)"*[8] tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-XPVPHC ngày..../...../.... của.....

Article 1. *"To reduce/exempt the remaining or whole"*[8] *fine amounts imposed for administrative violations as referred to in the sanctioning Decision No:.../QD-XPHC dated...by...*

1. Số tiền phạt mà Ông/bà (*Amount of fine which Mr./Mrs.*):.....được *<giảm/miễn phần còn lại (toàn bộ)>là (is reduced/exempted)*:..... đồng (VND)

(Bằng chữ/*in words*:.....)

2. Ông/bà được nhận lại (*Mr./Mrs....shall get the following items back*)[9]: .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature*.

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà *(Handed to Mr./Mrs.)*..... để chấp hành (*for execution).*

2. Gửi cho (*Sent to*)[10]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation)*./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);
- Lưu (*Filing):.....*

---

[8] Nếu giảm tiền phạt, thì ghi "**giảm**"; nếu miễn phần còn lại tiền phạt, thì ghi "**miễn phần còn lại**"; nếu miễn toàn bộ tiền phạt, thì ghi "**miễn toàn bộ**"/*Inscribe "Reduction/Exemption from the remaining fine/Exemption from the whole fine" according to specified cases.*

[9] Ghi cụ thể loại giấy tờ hoặc tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính/*Specify documents, exhibits or vehicles related to administrative violations temporarily seized as provided for in Paragraph 6 Article 125 of the Law on Handling of Administrative Violations.*

[10] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Specify the name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ05

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom- Happiness

Số *(No.)*:.../QĐ-NPNL

.[2]*., ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc nộp tiền phạt nhiều lần trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On payment of fines in installments in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 79 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-XPVPHC ngày... tháng... năm... của.....;

Based on the Decision on sanctioning of administrative violations No..../QD-XPVPHC dated..... by.....;

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-GQXP ngày..../..../.....(nếu có);

In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No...../QD-GQXP..... *dated.../.../..... (if any);*

Xét Đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần ngày...../...../..... của *ông/bà/tổ chức*[3]..... được[4]..... xác nhận,

In consideration of the written request for payments of fines in installments dated.../.../... by Mr./Mrs./organization[3]*..... which has been certified by*[4]*.....;*

---

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the Decision..*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

[3] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị phạt tiền/*Full name of the fined individuals/organizations.*

[4] Ghi tên của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cá nhân bị phạt tiền cư trú hoặc tên của cơ quan, tổ chức nơi người bị phạt tiền đang học tập, làm việc đã thực hiện việc xác nhận/*Name of the People's Committee of the commune, ward or township where the violators living or name of organizations where the violators working for or studying, which certified the Request.*

Tôi (*I am):*..... Chức vụ (*Position*):.....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Cho phép nộp tiền phạt nhiều lần đối với *(ông/bà/tổ chức)* có tên sau đây:

Article 1. *To allow (Mr./Mrs./organization) as following name to pay fines in installments:*

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính *(Sex)*:.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../..... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/Passport No.*):..... Ngày cấp (*Date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*Place of issue*):.....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Violating organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification No.*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/establishment Licence No.*).....

Ngày cấp (*Date of issue*):...../...../.....; nơi cấp (*Place of issue*): .....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[5]:..... Giới tính (*Sex):* .....

[5] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

Chức danh (*Position*)[6]:.....

2. Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần là (*The time limit for the payment of fines in installments shall be*)[7]:..... tháng *(months)*, kể từ ngày Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số (*from the date on which the Decision No.*)...../QĐ-XPVPHC ngày (dated).../.../..... của *(by)*..... có hiệu lực (*has been taken effect*).

a) Số tiền nộp phạt lần thứ nhất là (*First payment*)[8]:.....

(Bằng chữ/*in words*:.....);

b) Số tiền nộp phạt lần thứ hai là (*Second payment*):.....

(Bằng chữ/*in words*:.....);

c) Số tiền nộp phạt lần thứ ba là (*Third payment*):.....

(Bằng chữ/*in words*:.....).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature*.

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)[9]..... là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành (*the violating individuals/representative of violating organization named in Article 1 of this Decision for execution).*

Ông/bà/Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này (*Mr./Mrs./organization named in Article 1 shall strictly implement this Decision*). Hết thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, mà ông/bà/tổ chức (*After the expiry of the time limit as provided for in*

---

[6] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

[7] Ghi cụ thể thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần (không quá 06 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực)/ *the time limit for payment of fines in installments (not exceed 06 months, from the date that Decision has taken effect).*

[8] Ghi cụ thể số tiền nộp phạt lần thứ nhất (tối thiểu là 40% tổng số tiền phạt)/*First payment (at least equal to 40% of the total fine amount).*

[9] Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm/*Full name of the violating individuals/ representative of violating organization.*

Paragraph 2 of Article 1 of this Decision, Mr./Mrs./organization)[10]..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật (*fail to voluntarily execute this Decision, they shall be subjected to the execution enforcement in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho (*Sent to*)[11]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation)*./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3);*
- Lưu (*Filing):.....*

[10] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm/*Full name of the violating individuals/organizations.*

[11] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Specify the name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ06

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*No.*):...../QĐ-CCXP

.....[2]....., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...*

QUYẾT ĐỊNH
Cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On coercive withholding of part of salaries or incomes in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 86 and Article 87 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Điều 10 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 10 of the Decree No. 166/2013/ND-CP dated November 12th 2013 by the Government on coercive execution of decisions on sanctioning of administrative violations;

Căn cứ Quyết định về giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQCC ngày..../..../..... (nếu có);

In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No:..../QD-GQCC *dated.....(if any);*

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-XPVPHC ngày...../...../..... của..... ;

To ensure the execution of Decision on sanctioning of the administrative violations No..../QD-XPVPHC *dated... by.....;*

Tôi (*I am)*..... Chức vụ (P*osition):* .....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the Decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày.../..../..... của..... về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông/bà có tên sau đây:

Article 1. *To coerce into withholding of part of salaries or incomes of Mr./Mrs. as following named for the execution of Decision No:.../QD-XPVPHC dated...by... on sanctioning of the administrative violations:*

1. Họ và tên *(full name):*..... Giới tính (sex):.....

Ngày, tháng, năm sinh *(date of birth)*:..../..../..... Quốc tịch (*Nationality:*):.....

Nghề nghiệp *(occupation)*:.....

Nơi ở hiện tại *(address)*:.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/ Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):..../..../....; Nơi cấp (*Place of issue*):.....

2. Cơ quan/tổ chức/người sử dụng lao động *(Working agencies/ organizations/employers)*[3]:.....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*)[4]:.....

3. Số tiền bị khấu trừ (*withheld money amounts*):.....

(Bằng chữ/*in words*:.....)

Lý do khấu trừ *(reasons)*: Không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số (*fail to voluntarily execute this Decision No.*)...../QĐ-XPVPHC ngày (*dated*)..../..../..... của *(by)*.....

a) Số tiền lương hoặc thu nhập bị khấu trừ lần thứ nhất là (*withheld salaries or incomes for the first time*):[5].....

(Bằng chữ/*in words*:.....);

---

[3] Ghi tên của cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc họ và tên của người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Name of working agencies, organizations or full name of employers who are managing incomes or salaries of individuals subject to coercion.*

[4] Ghi tên của cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc họ và tên của người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Name of working agencies, organizations or full name of employers who are managing incomes or salaries of individuals subject to coercion.*

[5] Ghi cụ thể số tiền bị khấu trừ (đối với tiền lương, bảo hiểm xã hội thì tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, bảo hiểm xã hội được hưởng; đối với khoản thu nhập khác thì tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng số thu nhập)/*withheld money amounts (not exceed 30% of the total salaries or insurance benefits; not exceed 50% of the total other incomes).*

b) Số tiền lương hoặc thu nhập bị khấu trừ lần thứ hai là (*withheld salaries or incomes for the second time*)[6]:.....

(Bằng chữ/*in words*:.....);

c) Số tiền lương hoặc thu nhập bị khấu trừ lần thứ..... là (*withheld salaries or incomes for the..... time*):[7].....

(Bằng chữ/*in words*:.....);

4. Cơ quan/tổ chức/người sử dụng lao động (*working agencies/organizations, employers*)[8]..... có trách nhiệm chuyển số tiền đã khấu trừ đến tài khoản số *(are responsible for transferring the amounts deducted to the Account No.)*[9]:..... của *(of)*..... trong thời hạn *(within)*[10]..... ngày (*days)*, kể từ ngày khấu trừ một phần lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế (*from the date of withholding part of the salaries or incomes of the coerced individuals).*

5. Thời gian thực hiện (*Execution time)*:..... kể từ ngày nhận được Quyết định này *(from the date of receiving this Decision).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...../..../....

Article 2. *This Decision shall take effect from the date..../..../.....*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs./organization*)..... bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành (*subject to coercive measures named in Article 1 of this Decision for implementation)*

---

[6] Ghi cụ thể số tiền bị khấu trừ (đối với tiền lương, bảo hiểm xã hội thì tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, bảo hiểm xã hội được hưởng; đối với khoản thu nhập khác thì tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng số thu nhập)/*withheld money amounts (not exceed 30% of the total salaries or insurance benefits; not exceed 50% of the total other incomes).*

[7] Ghi cụ thể số tiền bị khấu trừ (đối với tiền lương, bảo hiểm xã hội thì tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, bảo hiểm xã hội được hưởng; đối với khoản thu nhập khác thì tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng số thu nhập)/*withheld money amounts (not exceed 30% of the total salaries or insurance benefits; not exceed 50% of the total other incomes).*

[8] Ghi tên của cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc họ và tên của người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Name of working agencies, organizations or full name of employers who are managing incomes or salaries of individuals subject to coercion.*

[9] Ghi số tài khoản của Kho bạc nhà nước mà cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải chuyển khoản/*Account No. of the State Treasury*.

[10] Ghi thời hạn phù hợp với điều kiện thực tế nhưng không quá 15 ngày, kể từ ngày thực hiện việc khấu trừ một phần lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế/*Suitable time limit, not exceed 15 days, from the date of withholding part of the salaries or incomes of the coerced individuals.*

Ông/bà (*Mr./Mrs.*)..... bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có tên tại Điều 1 phải thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế (*subject to coercive measures named in Article 1 shall implement this Decision and bear all expenses related to the organization of enforcement).*

Ông/bà (Mr./Mrs.)..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law.*).

2. Gửi cho *(Sent to*)..... để chuyển số tiền khấu trừ một phần lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế đến tài khoản của Kho bạc Nhà nước *(to transfer the amount of the withholding salaries or incomes of the coerced individuals to the account of State Treasury)*.

3. Gửi cho *(sent to)*..... để tổ chức thực hiện (*for implementation*)./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận:
- Như Điều 3 *(as mentioned in Article 3*);
- Lưu *(filling)*:.....

MQĐ07

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số *(No.)*:...../QĐ- CCXP

...[2]...., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...*

QUYẾT ĐỊNH
Cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản
DECISION
On coercive deduction of money from the account

Căn cứ Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Articles 86 and 87 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Điều 15 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/01/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 15 of the Decree No. 166/2013/ND-CP dated November 12th 2013 by the Government on coercive execution of decisions on sanctioning of administrative violations;

Căn cứ Quyết định về giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQCC ngày... tháng... năm..... (nếu có);

In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No:..../QD-GQCC... *dated..... (if any);*

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-XPVPHC ngày... tháng... năm... của.....;

To ensure the execution of Decision on sanctioning of the administrative violations No..../QD-XPVPHC *dated... by.....;*

Tôi *(I am)*:..... Chức vụ *(Position)*:.....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-XPVPHC ngày... tháng... năm..... của..... xử phạt vi phạm hành chính đối với <*ông/bà/tổ chức*> có tên sau đây:

Article 1. *To coerce into the deduction of money from the account of Mr./Mrs./organization as following named for the execution of Decision on sanctioning of the administrative violations No..../QD-XPVPHC dated..... by.....:*

<1. Họ và tên/*Full name* >:..... Giới tính (*Sex*):.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../..... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/Passport No*):.....ngày cấp (*Date of issue*):.../...../.....; Nơi cấp (*Place of issue*):.....

Số tài khoản *(Account Number)*[3]:..... tại (*at*)[4]:.....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Violating organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification No.*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/ establishment Licence No.*): .....

Ngày cấp (*Date of issue*):...../..../.....; nơi cấp (*place of issue*): .....

Số tài khoản (*Account No.)*:..... tại (*at*):.....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[5]: ..... Giới tính (*Sex*): .....

---

[3] Ghi số tài khoản của cá nhân/tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Account No. of the individuals/ organizations subject to coercive measures.*

[4] Ghi tên của tổ chức tín dụng nơi cá nhân/tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế mở tài khoản/*Name of the credit institutions where the coerced individuals/organizations open accounts.*

[5] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

Chức danh (*Position*)[6]:.....

2. Tổ chức tín dụng (*Credit institutions*): .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

3. Số tiền bị khấu trừ (*Withheld amounts*):.....

(Bằng chữ (*in words*):.....)

Lý do khấu trừ (*Reasons for withholding*): Không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số (*fail to voluntarily execute this Decision No.*)..../QĐ-XPVPHC ngày (*dated*)...../...../.....của (*by*) .....

4. Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./organization*)[7]..... có trách nhiệm yêu cầu (*is responsible for requesting*)[8]..... chuyển tiền từ tài khoản (*to transfer money from account No.*)..... vào tài khoản số (*into account No.*)[9]:..... của *(of)*[10]..... trong thời hạn *(within)*[11]..... ngày (*days)*, kể từ ngày nhận được Quyết định này (*from the date of receiving this Decision)*.

5. Trường hợp ông/bà/tổ chức (*If Mr./Mrs./organization*)..... không tự nguyện thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này, thì (*fail to voluntarily execute this Decision within the time limit specified in paragraph 4 of this Article, she/he*).....
có trách nhiệm trích chuyển từ tài khoản của cá nhân/tổ chức bị cưỡng chế số tiền bị khấu trừ quy định tại khoản 3 Điều này đến tài khoản số *(shall transfer the money specified in paragraph 3 of this Article from coerced individuals/ organizations' account into account No.*):.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..../..../....

Article 2. *This Decision shall take effect from.../.../....*

---

[6] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

[7] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Full name of the individuals/organizations subject to coercive measures*

[8] Ghi tên của tổ chức tín dụng nơi cá nhân/tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế mở tài khoản/*Name of credit institutions where the individual or organization applied for coercive account opening.*

[9] Ghi số tài khoản Kho bạc nhà nước/*The State Treasury's Account No..*

[10] Ghi cụ thể tên, địa chỉ của Kho bạc nhà nước hoặc tên, địa chỉ của Ngân hàng thương mại được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt/*Specify the name and address of the State Treasury or the name and address of the Commercial Bank authorized by the State Treasury to collect fines.*

[11] Ghi 15 ngày hoặc ghi thời hạn khác phù hợp với điều kiện thực tế/*15 days or another time limit suitable with the actual conditions.*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho Ông/Bà/Tổ chức (*Handed to Mr./Mrs./Organization*)..... bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành (*named in Article 1 of this Decision for execution).*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)..... bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản có tên tại Điều 1 phải thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế (*named in Article 1, shall implement this Decision and bear all expenses for the application of coercive measures).*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./organization*)..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho (*Sent to*)..... để chuyển số tiền bị khấu trừ đến tài khoản của Kho bạc Nhà nước (*for transferring the deducted amount to State Treasury's account).*

3. Gửi cho (*Sent to*)..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation*)./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3);*
- Lưu (*Filing):.....*

MQĐ08

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom- Happiness**
Số *(No.)*:.../QĐ- CCXP	...[2].., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...*

QUYẾT ĐỊNH
Cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt
DECISION
On coercive distrainment of properties whose value corresponding to the fine amounts

Căn cứ Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 86 and Article 87 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Điều 21 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 21 of the Decree No. 166/2013/ND-CP dated November 12th 2013 by the Government on coercive execution of decisions on sanctioning of administrative violations;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQCC ngày... tháng... năm... (nếu có);

In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No:...../QD-GQCC *dated..... (if any);*

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-XPVPHC ngày... tháng... năm..... của.....;

To ensure the execution of Decision on sanctioning of the administrative violations No..../QD-XPVPHC *dated... by.....;*

Tôi (*I am):*..... Chức vụ (*Position*):.....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-XPVPHC ngày.../.../..... của..... đối với *(ông/bà/tổ chức)* có tên sau đây:

Article 1. *To coerce into distrainment of properties whose value corresponding to the fine amounts to implement the Decision on sanctioning of the administrative violations No..../QD-XPVPHC dated..... by..... against (Mr./Mrs./organization) as following named:*

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính (*Sex*):.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../.... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation):* .....

Nơi ở hiện tại *(Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/ Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*Place of issue*): .....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*): .....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification No.*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/ establishment Licence No.*):.....

Ngày cấp (*Date of issue*):...../...../.....; Nơi cấp (*Place of issue*): .....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[3]:..... Giới tính (Sex):.....

Chức danh (*Position*)[4]:.....

2. Số tiền bị xử phạt (*fined money amounts*): .....

(Bằng chữ/*in words*): .....)

---

[3] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

[4] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

3. Lý do bị cưỡng chế (*Reasons for the application of coercive measures*): Không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số (fail to *voluntarily execute the decision on sanctioning of administrative violations No.*)..../QĐ-XPVPHC ngày *(dated)*...../...../.... của *(by)*..... và ông/bà/tổ chức (*and Mr./Mrs./organization*)[5].....[6].....

4. Địa điểm kê biên (*Location of distrainment*)[7]: .....

5. Thời gian thực hiện (*Application time limit*)[8]:..... ngày (*days*), kể từ ngày nhận được Quyết định này (*from the date of receiving this Decision).*

6. Cơ quan, tổ chức phối hợp (*Co-ordinating agencies/organizations*)[9]: .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..../..../....

Article 2*. This Decision shall take effect from.../.../.....*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho Ông/bà/tổ chức (*Handed to Mr./Mrs./Organization*)..... bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành (*named in Article 1 of this decision for execution).*

Ông/bà/tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)..... bị áp dụng biện pháp cưỡng kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt có tên tại Điều 1 phải thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế (*named in Article 1 shall implement this Decision and bear all expenses for the application of coercive measures).*

---

[5] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Name of the individuals/Name of organizations subjected to coercive measures.*

[6] Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Cá nhân không được hưởng tiền lương, thu nhập hoặc bảo hiểm xã hội tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức nào và không có tài khoản hoặc số tiền gửi trong tài khoản tại tổ chức tín dụng không đủ để áp dụng biện pháp khấu trừ tiền từ tài khoản; tổ chức không có tài khoản hoặc số tiền gửi trong tài khoản tại tổ chức tín dụng không đủ để áp dụng biện pháp khấu trừ tiền từ tài khoản/*Inscribe the reasons for each specific case: Individuals who are not entitled to salaries, incomes or social insurance at any agencies, units or organizations and do not have any accounts or the amount of money deposited in the accounts of credit institutions is insufficient to apply the deduction measure; Organizations with no accounts or the amount of money deposited in in the accounts of credit institutions is insufficient to apply the deduction measure.*

[7] Ghi địa chỉ nơi thực hiện biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/A*ddress of application location where properties distrainment applied*.

[8] Ghi thời hạn phù hợp với điều kiện thực tế để thực hiện biện pháp cưỡng chế/*Inscribe the time limit suitable for practical conditions for the application of coercive measures.*

[9] Ghi tên của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm kê biên, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú hoặc cơ quan nơi cá nhân bị cưỡng chế đang làm việc/Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở/N*ame of the People's Committee of the commune, ward or township at the place of properties distrainment, The people's Committee of the commune, ward or township where the coerced individuals reside or the workplace of the coerced individuals or the people's Committee of the commune, ward or township where the coercive organization is located.*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./organization*)..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho (*Sent to*)[9]..... để phối hợp thực hiện kê biên tài sản (*for property distrainment coordination).*

3. Gửi cho (*Sent to*)[10]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation).*

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3);*
- Lưu (*Filing):.....*

[10] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Specify the name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ09

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom- Happiness

Số *(No.)*:...../QĐ- CCXP

...[2]*..., ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...*

QUYẾT ĐỊNH
Cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On coercive collection of money and properties for the execution of decisions on sanctioning of administrative violations in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Articles 86 and 87 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Điều 31 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 31 of the Decree No. 166/2013/ND-CP dated November 12th 2013 by the Government on coercive execution of decisions on sanctioning of administrative violations;

Căn cứ Quyết định về giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQCC ngày... tháng... năm... (nếu có);

In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No:..../QD-GQCC *dated.....(if any);*

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-XPVPHC ngày... tháng... năm..... của.....;

To ensure the execution of Decision on sanctioning of the administrative violations No..../QD-XPVPHC *dated... by.....;*

Tôi (*I am)*:..... Chức vụ (*Position*):.....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do cá nhân, tổ chức khác đang giữ để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-XPVPHC ngày... tháng... năm..... của..... xử phạt vi phạm hành chính đối với <*ông/bà/tổ chức*> có tên sau đây:

Article 1. *To coerce the collection of money and properties of individuals being held by other individuals or organizations for the execution of Decision on sanctioning of the administrative violations No..../QD-XPVPHC dated.....by..... to sanction administrative violations against Mr./Mrs./organization as following name:*

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính *(Sex)*:.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../..... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):..../...../.....; Nơi cấp (*Place of issue*): .....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification number*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment Registration Certificate/Enterprise Registration Certificate or Decision on Establishment/Business Registration No.):*..... *n*gày cấp (*date of issue*):.../..../.....; nơi cấp (*place of issue*):.....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[3]:..... Giới tính *(Sex)*: .....

Chức danh (*Position*)[4]: .....

[3] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

[4] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

<2. Số tiền phải thu/Amount of money for collection>: .....

(Bằng chữ/*in words*: .....)

<2. Tài sản phải thu/Properties for collection>[5]:.....

3. Lý do bị cưỡng chế (*Reasons for the application of coercive measures*): Không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số (*fail to voluntarily execute the Decision on sanctioning of administrative violations No.*)..../QĐ-XPVPHC ngày *(dated)*.../../.... của *(by)*..... và ông/bà/tổ chức (*and Mr./Mrs./Organization*)[6]..... sau khi vi phạm có hành vi tẩu tán tiền, tài sản cho cá nhân, tổ chức khác giữ (*after violating, has committed assets dispersal to other individuals or organizations).*

4. Cá nhân/tổ chức đang giữ tiền, tài sản (*Individuals/organizations holding money, properties*)[7]: .....

Địa chỉ (*Address*)[8]:.....

5. Địa điểm thực hiện cưỡng chế (*Location of application of coercive measures*)[9]: .....

6. Thời gian thực hiện (*The time limit for the application of coercive measures*)[10]:....., kể từ ngày nhận được Quyết định này (*from the date of receiving this Decision).*

7. Cơ quan, tổ chức phối hợp (*Co-ordinating authority/organization*)[11]:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..../..../....

Article 2. *This Decision shall take effect from...*

---

[5] Mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản phải thu (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng)/*Describe the name, status, characteristics of each property to be collected (in case there is a large number of assets, make separate statistics).*

[6] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Full name of the individuals/name of organizations subjected to coercive measures.*

[7] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế/*Full name of the individuals/name of organizations holding the money or properties of individuals subject to the enforcement.*

[8] Ghi địa chỉ của cá nhân/tổ chức đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế/*Address of the individuals/organizations holding the money or properties of the person subject to the enforcement.*

[9] Ghi địa chỉ nơi thực hiện biện pháp cưỡng chế thu tiền/tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do cá nhân, tổ chức khác đang giữ/*Location of the application of coercive collection of the money/properties of individuals subject to the enforcement.*

[10] Ghi thời hạn phù hợp với điều kiện thực tế để thực hiện biện pháp cưỡng chế/*The time limit suitable for practical conditions for the application of coercive measures.*

[11] Ghi tên của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm thực hiện cưỡng chế, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan/*Name of the People's Committee of the commune, ward or township where coercive measures applied and name of related organizations.*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho Ông/bà/Tổ chức (*handed to Mr./Mrs./Organization*)..... bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành (*named in Article 1 of this Decision for execution).*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)..... bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do cá nhân, tổ chức khác đang giữ có tên tại Điều 1 phải thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế (*named in Article 1 shall implement this Decision and bear all expenses for the application of coercive measures).*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho (*Sent to*)..... để nộp tiền vào ngân sách nhà nước/hoặc chuyển giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục bán đấu giá (*for money payment into the state budget or transfer the properties to the competent authorities for auction procedures).*

3. Gửi cho (*Sent to*)[12]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation).*

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3);*
- Lưu (*Filing):....*

[12] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Specify the name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ10

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số *(No.)*: /QĐ-CCXP ...[2]...., *ngày (date).... tháng (month).... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả
DECISION
On coercive enforcement of remedial measures

Căn cứ Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Articles 28, 86, 87 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 33 of Decree No. 166/2013/ND-CP dated November 12th, 2013 by the Government on coercive execution of decisions on sanctioning of administrative violations;

Căn cứ Quyết định về giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQCC ngày...../..../.... (nếu có);

*In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No:..../*QD-GQCC*... dated... (if any);*

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày..../.../..... của.....;

*To ensure the execution of Decision on sanctioning of the administrative violations No..../*QD-XPVPHC *dated... by.....;*

Tôi *(I am)*:..... Chức vụ *(position)*:.....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với <*ông/bà/tổ chức*> có tên sau đây:

---

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision on coercion.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

Article 1. *To coerce the enforcement of remedial measures to (Mr./Mrs./Organization) as following name:*

<1. Họ và tên/Full name>:..... Giới tính *(Sex):*.....

Ngày, tháng, năm sinh *(Date of birth*):...../...../.....

Quốc tịch *(Nationality*):.....

Nghề nghiệp *(Occupation*):.....

Nơi ở hiện tại *(Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification Number/ID Card/Passport No.*):.....; ngày cấp *(date of issue)*:..../.../.....; nơi cấp (*place of issue*):.....

<1. Tên tổ chức vi phạm/Violating organization>:.....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office Address*):.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification number*):.....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/ establishment Licence No.*):.....

Ngày cấp (*Date of issue*):...../...../.....; nơi cấp *(place of issue)*:.....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative)*[3]:..... Giới tính *(Sex)*:.....

Chức danh (*Position*):[4].....

2. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại (*To implement remedial measures caused by the administrative violations prescribed in*):.....

a) Điểm *(Sub-paragraph)*.... Khoản *(paragraph)*.... Điều *(Article)*.... Nghị định số *(Decree No.*)..../...../NĐ-CP ngày (*dated*)...../...../..... quy định xử phạt vi phạm hành chính..... *(on sanctioning of administrative violations.....).*

b) Điểm *(sub-paragraph)*.... Khoản *(paragraph)*.... Điều *(Article)*.... Nghị định số *(Decree No.*)..../...../NĐ-CP ngày (*dated*)...../...../..... quy định xử phạt vi phạm hành chính..... *(on sanctioning of administrative violations*.....)

---

[3] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise*

[4] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

3. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là *(Consequences caused by administrative violations need remedying)*[5]:.....

a).....

b).....

4. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện, gồm *(remedial measures shall be implemented, including)*[6]:

a).....

b).....

5. Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả (*all expenses for the implementation of remedial measures shall be born by violating individuals/organizations as mentioned in this Article).*

Ông/bà/Tổ chức có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là (*Mr./Mrs./Organization named in this Article shall repay expenses):*.....

(Bằng chữ (*in words):*.....)

Cho *(for)*[7]:.....

là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (*the agency who applied the remedial measures as provided for in paragraph 5 Article 85 of the Law on Handling of Administrative Violations*).

Điều 2.

Article 2.

1. Thời gian thực hiện (*The time limit for the application*):.... ngày (*days)*, kể từ ngày nhận được Quyết định này (*from the date of receiving this Decision*).

2. Địa điểm thực hiện (*location of application*)[8]:.....

---

[5] Ghi rõ hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục/*The consequences caused by administrative violations need remedying.*

[6] Ghi cụ thể từng biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện và thời hạn thực hiện của từng biện pháp/*remedial measures shall be implemented and implementation period of each remedial measure.*

[7] Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, cơ quan nhà nước đã tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì ghi tên của cơ quan đã thi hành biện pháp khắc phục hậu quả/*In case of emergency where consequences should be promptly remedied in order to protect the environment and assure traffic, the State agencies organized the implementation of remedial measures as provided for in paragraph 5 Article 85 of of the Law on Handling of Administrative Violations, specify names of those agencies.*

[8] Ghi rõ địa chỉ nơi thực hiện cưỡng chế/*Address of location where coercive measures applied.*

3. Cơ quan, tổ chức phối hợp (*Co-ordinating authority/organization*):[9]

.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày....

Article 3. *This Decision shall take effect from...*

Điều 4. Quyết định này được:

Article 4. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)[10]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành (*violating individuals/representative of violating organizations, named in Article 1 of this Decision for execution).*

Trong thời hạn (*within*).... ngày (*days*), kể từ ngày nhận được Quyết định này, ông/bà/tổ chức (*from the date of receiving this Decision, Mr./Mrs./ Organization*)[11]..... có trách nhiệm thực hiện Quyết định (*is responsible for the implementation of the Decision*). Nếu quá thời hạn mà ông/bà/tổ chức (*After the expiry of this time limit, if Mr./Mrs./Organization*)[12]..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật (*fail to voluntarily execute this Decision, they shall be subjected to the execution enforcement in accordance with the stipulations of law*).

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)[13]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law*).

2. Gửi cho (*Sent to*)[14]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation*).

Nơi nhận (copied to):
- Như Điều 4 *(As mentioned in Article 4)*;
- Lưu (*filling*):,.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

---

[9] Ghi tên của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp trong việc tổ chức thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả/*Name of agencies, organizations responsible for coordinating in the implementation of the Decision on coercive enforcement of remedial measures.*

[10] Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Full name of individuals/ representatives of organizations subject to coercive measures.*

[11] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Full name of individuals/name of organization subject to coercive measures.*

[12] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Full name of individuals/name of organization subject to coercive measures.*

[13] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế/*Full name of individuals/name of organization subject to coercive measures.*

[14] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Specify the name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ11

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số *(No.):* /QĐ-TTTVPT	..[2].., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...*

QUYẾT ĐỊNH

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng (do không xác định được người vi phạm/người vi phạm không đến nhận)

DECISION

On confiscation of exhibits, vehicles associated with administrative violations in the field of civil aviation (in case of unidentified violators or violators refuse to retrieve the exhibits, vehicles)

Căn cứ Điều 26 và khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Articles 26 and paragraph 4 of Article 126 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số...../QĐ-TGTVPTGPCC ngày.../.../..... của.....;

Based on the Decision on temporary seizure of exhibits, vehicles associated with the administrative violations, licences, professional practice certificates No.:...../QD-TGTVPTGPCC *dated....by.....;*

Căn cứ kết quả thông báo trên[3]..... và niêm yết công khai tại[3].....

từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....;

Based on the Notice published on..... and publicly posted at..... from... to.....;

---

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

[3] Ghi rõ phương tiện thông tin đại chúng đã đăng tin thông báo và địa chỉ trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền tạm giữ đã niêm yết công khai về việc xác định chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/*Specify the mass media who has published the notice and the office address of competent person who has publicly posted the identification of the owner, manager, legal user of the exhibits, vehicles related to administrative violations.*

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày..../../..... (nếu có);

*In accordance with the Decision on delegation of the power to handle administrative violations No...../*QD-GQXP*... dated... (if any);*

Tôi *(I am)*:..... Chức vụ (*Position*):.....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số..../QĐ-TGTVPTGPCC ngày..../...../..... của .....

Article 1. *To confiscate the following exhibits, vehicles associated with the administrative violations, which have been temporarily seized according to the Decision on temporary seizure of exhibits, vehicles, licences, professional practice certificates No:...../QD-TGTVPTGPCC dated....by.....*

1. Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này (*The confiscation of exhibits, vehicles associated with administrative violations shall be made in the minutes attached to this Decision).*

2. Lý do tịch thu (*Reasons for the confiscation*):[4] .....

3. Tài liệu kèm theo (*Attached documents*)[5]:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature.*

Điều 3. Quyết định này được gửi cho[6]:..... để tổ chức thực hiện./.

Article 3. *This Decision shall be sent to..... for the implementation.*

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3);*
- Lưu (*Filing):....*

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

---

[4] Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Không xác định được người vi phạm hoặc người vi phạm không đến nhận/*Specify reason for specific cases: "Unidentified violator" or "violator refuse to retrieve exhibits, vehicles".*

[5] Ghi rõ các tài liệu có liên quan như: Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề; Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.../*List the related documents such as: Decision on temporary seizure of exhibits, vehicles, licences, professional practice certificates; Minutes on temporary seizure of exhibits, vehicles, licences, professional practice certificates.....*

[6] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ12

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom- Happiness**
Số *(No.)*:...../QĐ-KPHQ	...[2]..., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On application of remedial measures in sanctioning administrative violations in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 75, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 28, Article 65, Article 75 and Article 85 of the Law on the Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số.../BB-VPHC lập ngày..../...../.....;

Based on the Minutes on administrative violations No..../BB-VPHC dated...../.../.....;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

*In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No...../*QD-GQXP*... dated... (if any);*

Để khắc phục triệt để hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra,

To compensate for the consequences caused by the administrative violations,

Tôi (*I am):*..... Chức vụ (*Position*):.....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với *(ông/bà/tổ chức)* có tên sau đây:

---

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

Article 1. *To take measures to compensate for the consequences caused by the administrative violations committed by (Mr./Mrs./Organization) whose name appears as follows:*

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính (*Sex*):.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../..... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/ Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):..../..../.....; Nơi cấp (*Place of issue*):.....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Violating organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification number*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/establishment Licence No.*): .....

Ngày cấp (*Date of issue*):.../..../.....; nơi cấp (*Place of issue*): .....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[3]:..... Giới tính *(Sex)*: .....

Chức danh (*Position*)[4]:.....

2. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại (*are requested* to *take measures to compensate for consequences due to administrative violations as provided for in)*:

a) Điểm (*Sub-paragraph*).... Khoản (*paragraph*).... Điều (*Article*).... Nghị định số (*of the Decree No.*)..../..../NĐ-CP ngày (*dated*).../../... của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính..... (*by the Government on Sanctioning of administrative violations in the field of*.....);

---

[3] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

[4] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

b) Điểm (*Sub-paragraph*).... Khoản (*paragraph*).... Điều (*Article*).... Nghị định số (*of the Decree No.*)..../..../NĐ-CP ngày (*dated*).../../... của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính..... (*by the Government on Sanctioning of Administrative Violations in the field of.....*);

3. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là (*Consequences caused by the administrative violations must be overcome*)[5]:.....

a) .....

b) .....

4. Lý do không ra quyết định xử phạt (*Reason for not issuing the sanctioning decision*):[6] .....

5. Biện pháp để khắc phục hậu quả phải thực hiện, gồm (*Measures to compensate for the consequences include)*:[7].....

a) .....

b) .....

6. Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm..... có tên tại Điều này chi trả (*All expenses for the application of compensating measures shall be born by the violating individual/organization named in this Article).*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./organization*).... có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là (*named in this Article shall reimburse all expenses, accounting for*):

(Bằng chữ/*in words*:.....)

cho *(to)*[8]:.....

là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính (*who is the agency taking the compensating measures in accordance with paragraph 5 Article 85 of the Law on Handling administrative violations).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..../...../.....

Article 2. *Decision shall be take effect from...*

---

[5] Ghi rõ hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục/*Specify the consequences caused by administrative violations need remedying.*

[6] Ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt theo các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính/*Specify reasons for not issuing sanctioning decision in accordance with sub-paragraph a, b, c, and d paragraph 1 Article 65 of Law on Handling the administrative violations.*

[7] Ghi cụ thể từng biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện và thời hạn thực hiện của từng biện pháp/*Specify certain compensating measure and time limit.*

[8] Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, cơ quan nhà nước đã tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì ghi tên của cơ quan đã thi hành biện pháp khắc phục hậu quả/*In case of emergency where consequences should be promptly remedied in order to protect the environment and assure traffic, the State agencies organized the implementation of remedial measures as provided for in paragraph 5 Article 85 of of the Law on Handling of Administrative Violations, specify names of those agencies.*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)[9]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành *(who is the violator or representative of the violating organization named in Article 1 of this Decision for execution).*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)..... bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra có tên tại Điều 1 phải thực hiện Quyết định này (*named in Article 1 shall have responsibility to implement this Decision*). Nếu quá thời hạn quy định tại Điều 1 Quyết định này mà ông/bà/tổ chức (*After the expiry of the time limit as provided for in Article 1 and if Mr./Mrs./Organization*)[10]..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật (*fails to voluntarily execute this Decision, they shall be subjected to coercive measures in accordance with the stipulations of law).*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)[10].....có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho (*Sent to*)[11]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation).*

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận (Copied to)
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);
- Lưu (*Filing*):....

---

[9] Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm/*Full name of the violating individual/ representative of violating organizations.*

Trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, thì ghi "**Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính**"/*Inscribe* «***Can not identify the violators***» *If the violator can not be identified.*

Trường hợp cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức giải thể, phá sản mà không có cá nhân, tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ, thì ghi "**Cá nhân chết, mất tích/tổ chức giải thể, phá sản nhưng không có cá nhân, tổ chức tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ**"/Inscribe ***"death, missing/organization in dissolution/ bankruptcy without transferring rights and obligations"*** *in case the violator is dead/missing; organization is in dissolution/bankruptcy without transferring rights and obligations.*

[10] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm/*Full name of the violating individual/organization.*

Trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, thì ghi "**Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính**"/*Inscribe* «***Can not identify the violators***» *if the violator can not be identified.*

Trường hợp cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức giải thể, phá sản mà không có cá nhân, tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ, thì ghi "**Cá nhân chết, mất tích/tổ chức giải thể, phá sản nhưng không có cá nhân, tổ chức tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ**"/Inscribe ***"death, missing/organization in dissolution/ bankruptcy without transferring rights and obligations"*** *in case the violator is dead/missing; organization is in dissolution/bankruptcy without transferring rights and obligations.*

[11] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Full name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ13

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số *(No.)*:...../QĐ-THTV

.[2].., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year)*.....

QUYẾT ĐỊNH
Tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On destruction of exhibits, vehicles associated with administrative violations in the field of civil aviation

Căn cứ khoản 2 Điều 65, khoản 1 Điều 82, các khoản 5 và 6 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to paragraph 2 Articles 65, paragraph 1 of Article 82 and paragraphs 5, 6 Article 126 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số:...../BB-VPHC lập ngày.../..../.....;

Based on the Minutes on administrative violations No..../BB-VPHC dated.....;

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số..../BB-XM lập ngày...../...../..... (nếu có);

Based on the Minutes on verification of the factors related to the administrative violations No...../BB-XM dated...../..../..... (if any);

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có),

In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No...../QD-GQXP*... dated... (if any);*

Tôi *(I am)*:..... Chức vụ *(Position)*:.....

---

[1] *Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định*/Organization's name of the person who has competence to issue the decision.

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo biên bản được lập kèm theo Quyết định này.

Article 1. *To destruct exhibits, vehicles associated with the administrative violations recorded in the Minutes attached to this Decision*

1. Địa điểm thực hiện *(Place of destruction)*:..... Thời gian thực hiện *(Duration)*:.....

2. Lý do tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (*Reason for the destruction of exhibits and vehicles associated with the administrative violations*)[3]:.....

3. Thành phần tham gia *(Participants)*[4]:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature.*

Điều 3. Quyết định này được gửi cho[5]:..... tổ chức thực hiện.

Article 3. *This Decision shall be sent to..... for the implementation.*

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);
- Lưu (*Filing*):.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
Person issuing the Decision
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

[3] Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không còn giá trị sử dụng hoặc không bán đấu giá được quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm độc hại quy định tại khoản 5 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính; tang vật vi phạm hành chính là các chất ma túy và những vật thuộc loại cấm lưu hành quy định tại khoản 6 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính/*Specify reasons for each specific case as follows: Not issuing sanctioning decision in accordance with sub-paragraph a, b, c and d, paragraph 1 Article 65 of Law on Handling the administrative violations; exhibits, vehicles in administrative violations are no longer usable or cannot be auctioned as prescribed in paragraph 1 Article 82 of Law on Handling the administrative violations; exhibits, vehicles in administrative violations being goods or harmful articles to human health, domestic animals, plants and the environment, or harmful cultural products as prescribed in paragraph 5 Article 126 of Law on Handling the administrative violations; exhibits in administrative violations being narcotics and objects banned from circulation as prescribed in paragraph 6 Article 126 of Law on Handling the administrative violations.*

[4] Ghi tên cơ quan ra quyết định tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với loại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tiêu hủy và các cơ quan có liên quan khác/*Name of the organization issuing the Decision on destruction of exhibits, vehicles in administrative violations; Specialized State agencies for exhibits, vehicles destructed and other relevant agencies.*

[5] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ14

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số *(No.)*: /QĐ-TTTV	...[2]..,*ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Tịch thu tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On confiscation of exhibits associated with administrative violations in the field of civil aviation

Căn cứ khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Paragraph 2 Article 65 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số..../BB-VPHC lập ngày.../..../.....;

Base on the Minutes on Administrative Violations No..../BB-VPHC dated.....;

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số..../BB-XM lập ngày...../...../.....(nếu có);

Based on the Minutes on verification of the factors related to the administrative violations No...../BB-XM dated...../..../..... (if any);

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../.....(nếu có);

In accordance with the Decision on the delegation of power to handle administrative violations No...../QD-GQXP*... dated... (if any);*

Tôi (*I am):*..... Chức vụ (*Position*):.....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành theo biên bản được lập kèm theo Quyết định này.

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

Article 1. *To confiscate the exhibits associated with the administrative violations, which are banned from being used according to the Minutes made as part of this Decision.*

1. Lý do không ra quyết định xử phạt (*Reasons for not issuing sanctioning decision*)[3]:.....

2. Số tang vật, phương tiện trên được chuyển đến (*Quantity of exhibits, vehicles be transferred to*)[4]:..... để xử lý theo quy định của pháp luật (*for dealing with in accordance with the stipulations of law).*

3. Tài liệu kèm theo (*Related documents*)[5]:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature.*

Điều 3. Quyết định này được gửi cho[6]..... để tổ chức thực hiện.

Article 3. *This Decision shall be sent to..... for the implementation.*

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3*);
- Lưu (*Filing*):...

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

[3] Ghi lý do không ra quyết định xử phạt theo các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính/*Specify reasons for not issuing sanctioning decision in accordance with sub-paragraph a, b, c, and d paragraph 1 Article 65 of Law on Handling the administrative violations.*

[4] Ghi đầy đủ tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị nơi tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu được chuyển đến/*Name, address of the organization where the confiscated exhibits related to administrative violations are transferred to.*

[5] Ghi các tài liệu có liên quan như: Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề; biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề,..../*List the related documents, such as: Decision on temporary seizure of exhibits, vehicles, licences, professional practice certificates; minutes on the temporary seizure of exhibits, vehicles, licences, professional practice certificates...).*

[6] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision*

MQĐ15

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (*No.*): /QĐ-THMPQĐXP ..[2].., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On partly execution of decision on sanctioning administrative violations in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 75 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 75 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Điều 9 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 9 of Decree No. 81/2013/ND-CP dated July 19th 2013 of the Government on detailing certain articles and measures to implement Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.../QĐ-XPVPHC ngày.../..../... của.....;

Based on the Decision on sanctioning of the administrative violations No..../QD-XPVPHC dated..... by.....;

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

*In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No...../*QD-GQXP*... dated... (if any);*

Tôi (*I am):*..... Chức vụ (*Position*):.....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*organization's name of the person who has competence to issue the decision on partly execution of the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Đình chỉ thi hành hình thức phạt tiền quy định tại[3]..... Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày..../..../..... của..... đối với (*ông/bà/tổ chức)* có tên sau đây:

Article 1. *To suspend the application of fining sanctioning form as provided for in..... of the Decision on sanctioning of the administrative violations No..../QD-XPHVPHC dated..../...../..... by..... with regard to (Mr./Mrs./ Organization) whose name appears follow:*

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính (*Sex*): .....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../.... Quốc tịch (*Nationality*): .....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/ Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*Place of issue*):.....

<1. Tên tổ chức vi phạm/Violating *organization*>:.....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address):*.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification No.):*.....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/ establishment Licence No.*): .....

Ngày cấp (*Date of issue)*:.../..../.....; Nơi cấp (*Place of issue*): .....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[4]:..... Giới tính (*Sex*): .....

Chức danh (*Position*)[5]:.....

---

[3] Ghi điều, khoản quy định số tiền phạt trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính/*Paragraph, Article of the fine amounts in the decisions on sanctioning of the administrative violations.*

[4] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

[5] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

2. Số tiền phạt đình chỉ thi hành là (*Amount of fine to be suspended*)[6]:.....

(Bằng chữ/*in words*:.....)

3. Lý do đình chỉ thi hành hình thức phạt tiền (*The reason for suspension of fining decisions*)[7]: .....

Điều 2. Tiếp tục thi hành *(hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/biện pháp khắc phục hậu quả)*[8] quy định tại[9].....

Article 2. *To continue the application of (the sanctioning form of confiscating exhibits, vehicles associated with the administrative violations and the application of compensating measures) as provided for in* .....

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số (*Decision on sanctioning of the administrative violations No.*)...../QĐ-XPVPHC ngày *(dated)*.../..../..... của *(by)*..... đối với (*ông/bà/tổ chức)* có tên sau đây *with regard to* (*<Mr./Mrs./Organization> whose name appears as follow*):

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính (*Sex*):.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../..... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*Place of issue*):.....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Violating organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

---

[6] Ghi cụ thể mức tiền phạt đã được ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính/*Specify fine amounts in the decisions on sanctioning of the administrative violations.*

[7] Ghi cụ thể theo từng trường hợp: Cá nhân bị xử phạt chết được ghi trong giấy chứng tử/mất tích được ghi trong quyết định tuyên bố mất tích; tổ chức bị giải thể/phá sản được ghi trong quyết định giải thể/phá sản/*Specify each specific case, as follows: Individuals who are subjected to death are recorded in death/disappearance certificates; The dissolved/bankrupt organizations is inscribed in the dissolution/bankruptcy decision.*

[8] Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu tiếp tục thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi "**hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**"; nếu tiếp tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả, thì ghi "**biện pháp khắc phục hậu quả**"; nếu tiếp tục thi hành cả hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả, thì ghi "**hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả"***/Specify each specific case, as follows:* ***"Confiscation of exhibits, vehicles related to administrative violations"*** *if continuing the implementation of the sanctioning form of confiscating exhibits, vehicles associated with administrative violations;* ***"Remedial measures"*** *if continuing the implementation of the sanctioning form of remedial measures; "****The sanctioning form of confiscating of exhibits, vehicles*** *associated with* ***administrative violations and remedial measures"*** *if continuing the implement of the sanctioning form of confiscating exhibits, vehicles associated with administrative violations and remedial measures.*

[9] Ghi cụ thể điều, khoản quy định hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính/Specify *Paragraph, Article of the sanctioning form of confiscation of exhibits, vehicles related to administrative violations or remedial measures in the Decisions on sanctioning of the administrative violations.*

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification No.*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/ establishment Licence No.*): .....

Ngày cấp (*Date of issue*):...../...../.....; nơi cấp (*Place of issue*): .....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[10]:..... Giới tính *(Sex)*: .....

Chức danh (*Position*)[11]: .....

2. Thời gian thi hành quyết định là (*the time limit for the execution of this Decision is*): 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này (*10 (ten) days from the date of receiving this Decision).*

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày...../...../.....

Article 3. *This Decision shall take effect from...*

Điều 4. Quyết định này được:

Article 4. *This Decision shall be:*

1. Giao cho Ông/bà/Tổ chức (*Handed over to Mr./Mrs./Organization*)[12]..... là cá nhân/đại diện cho tổ chức có tên tại Điều 2 Quyết định này có trách nhiệm tiếp tục thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số (who is the violator/representative of the *organizations named in Article 2 of this Decision shall be responsible for continuing to execute the application of the sanctioning form of confiscating exhibits, vehicles associated with administrative violations and remedial measure in the Decision on sanctioning of the administrative violations No*)..../QĐ-XPVPHC ngày (*dated*)..../.../..... của *(by)*..... để chấp hành Quyết định (*for execution*).

---

[10] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

[11] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/Specify *Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

[12] Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện tổ chức có trách nhiệm tiếp tục thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả đã được ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính/*Full name of the individuals/representative's organizations responsible for continuing to implement the sanctioning form of confiscation of exhibits, vehicles associated with administrative violations and remedial measures in the decision on sanctioning of the administrative violations.*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)[13]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho các cá nhân, tổ chức có liên quan (*Sent to individuals/organizations concerned*)[14]..... để chấp hành *(for execution*).

3. Gửi cho (*Sent to*)[15]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation).*

Nơi nhận (copied to):
- Như Điều 4 (*As mentioned in Article 4*);
- Lưu *(Filing)*:.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

[13] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm tiếp tục thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả đã được ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính/*Specify individual/Organization shall continue executing the sanctioning form of confiscation of exhibits, vehicles associated with administrative violations and remedial measures in the decision on sanctioning of the administrative violations.*

[14] Ghi cụ thể theo từng trường hợp các cá nhân, tổ chức có liên quan như; Cá nhân, tổ chức đang quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; cá nhân là người được hưởng tài sản thừa kế được xác định theo quy định của pháp luật dân sự về thừa kế; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc giải thể, phá sản; Người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị giải thể, phá sản/*Specify individuals/organizations related such as: Individuals/organizations managing exhibits, vehicles related to the administrative violations; Individuals who are beneficiaries of inherited properties shall be determined according to the provisions of the law on inheritance; Agencies, organizations and individuals competent to deal with dissolution or bankruptcy; The legal representative of the dissolved or bankrupt organizations.*

[15] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ16

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số *(No.)*:...../QĐ- TGN	*Ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Tạm giữ người theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On temporary custody of person according to administrative procedures in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 122 và Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 122 and Article 123 of the Law on Handling of the Administrative Violations;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

Pursuant to the Law on Civil Aviation of Vietnam and the Law on Amendments and Supplements to the Law on Civil Aviation of Viet Nam;

Tôi (*I am):*..... Chức vụ (*Position):* .....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Tạm giữ người theo thủ tục hành chính đối với ông/bà có tên sau đây:

Article 1. *To temporarily hold Mr./Mrs. in custody according to administrative procedures. His/Her name is as follow:*

1. Họ và tên (*Full name*):..... Giới tính (*Sex*):.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../..... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/ Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*Place of issue*): .....

Họ và tên cha, mẹ hoặc người giám hộ (*Full name of father, mother or guardian*)[2]:.....

2. Lý do tạm giữ (*Reason for temporary custody*)[3]: .....

3. Tình trạng của người bị tạm giữ (*Status of the person under temporary custody*)[4]: .....

4. Chuyến bay mà việc tạm giữ người được thực hiện *(the flight on which the person is temporarily held in custody)*:.....

5. Cơ quan nhận bàn giao người bị tạm giữ *(the organization receiving the detainee):*.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature.*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)..... có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành (*named in Article 1 of this decision for execution*).

Ông/bà (*Mr./Mrs.*)[5]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho *(sent to)*[6]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation).*

Nơi nhận (copied to):
- Như Điều 3 (*As mentioned in Article 3);*
- Lưu (*Filing):....*

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

---

[2] Ghi họ và tên cha/mẹ hoặc người giám hộ đối với trường hợp người bị tạm giữ là người chưa thành niên/*Full name of the father/mother or guardian in case the detainee is a juvenile.*

[3] Ghi rõ lý do tạm giữ người theo từng trường hợp cụ thể quy định tại khoản 1, Điều 122 Luật xử lý vi phạm hành chính hoặc Điều 75 Luật hàng không dân dụng Việt Nam/*Specify reasons for temporary custody as provided for in Paragraph 1 Article 122 of the Law on Handling of Administrative Violations or Article 75 of the Law on Civil Aviation of Vietnam.*

[4] Ghi lại tình trạng chung (tình trạng sức khỏe, đặc điểm hình dáng, đặc điểm quần áo, tài sản cá nhân,...) của người bị tạm giữ tại thời điểm ra Quyết định/*Specify status: Health conditions, characteristic of body, clothes, personal properties.*

[5] Ghi họ và tên của cá nhân bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ người theo thủ tục hành chính/*Full name of the individuals temporarily held in custody according to administrative procedures.*

[6] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ17

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số *(No.)*:..../QĐ-TGTVPTGPCC

..[2]*.., ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On temporary seizure of exhibits, vehicles associated with the administrative violations, licenses, professional practice certificates in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 125 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

*In accordance with the Decision on delegation of rights to handle administrative violations No...../*QD-GQXP *dated...../...../..... (if any);*

Tôi (*I am)*.....Chức vụ (*Position):*.....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Tạm giữ *(tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề)*[3] của *(ông/bà/tổ chức)* có tên sau đây:

---

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

[3] Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi «**tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**»; nếu tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi "**giấy phép, chứng chỉ hành nghề**"; nếu tạm giữ cả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi "**tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề"**/*Specify each specified case:* "***exhibits, vehicles related to the administrative violations***» in case of *temporary seizure of exhibits, vehicles;* **"*Licenses, professional practice certificates"*** in case of *temporary seizure of permissions, certificates*; "***exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates***" in case of *temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations,* ***licenses, professional practice certificates***.

Article 1. *Temporarily seize exhibits, vehicles associated with the administrative violations, licenses, professional practice certificates of (Mr./Mrs./organization) whose name appears as follow:*

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính (*Sex*):.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../.... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*Place of issue*):.....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Violating organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification No.*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/establishment Licence No.*): .....

Ngày cấp (*Date of issue*):.../..../.....; nơi cấp (*Place of issue*): .....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[4]:..... Giới tính *(Sex)*: .....

Chức danh (*Position*)[5]:.....

2. Việc tạm giữ (*tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/giấy phép, chứng chỉ hành nghề)* được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

The temporary seizure of (exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates) shall be recorded in the minutes attached to this Decision.

---

[4] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

[5] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

3. Việc niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này (nếu có).

The sealing of exhibits, vehicles associated with the administrative violations being temporarily seized according to administrative procedures, shall be recorded in the minutes attached to this Decision (if any).

4. Lý do tạm giữ (*The reasons for temporary seizure*)[6] .....

5. Thời hạn tạm giữ (*The time limit of seizure)*:.... ngày (*days*), từ ngày (*from*)..../...../..... đến ngày *(to)*...../...../.....

6. Địa điểm tạm giữ (*Place of seizure*)[7]:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature.*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)[8]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành (*named in Article 1 for execution).*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)[9]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho (*Sent to*)[10]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation).*

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận:
- Như Điều 3 *(As mentioned in Article 3);*
- Lưu *(Filing)*:.....

[6] Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo từng trường hợp cụ thể quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính/*Specify the reason for temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses,* ***professional practice certificates*** *according to Paragraph 1 Article 125 of Law on Handling of Administrative Violations.*

[7] Ghi rõ địa chỉ nơi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề/*address of place where the exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses,* ***professional practice certificates*** *are temporarily seized.*

[8] Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề/*Full name of the individuals/representative of organizations is applied the deterrent measures to temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses,* ***professional practice certificates*** *under administrative procedures.*

[9] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề/*Full name of the individuals/name of organizations who applied the deterrent measures to temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses,* ***professional practice certificates*** *according to administrative procedures.*

[10] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ18

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số *(No.)*:.../QĐ-KDTGTVPTGPCC ...[2]..., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...*

QUYẾT ĐỊNH

Kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực hàng không dân dụng

DECISION

On extension of time limit for temporary seizure of exhibits and vehicles associated with the administrative violations, licenses, professional practice certificates in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 125 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số...../QĐ-TGTVPTGPCC ngày... tháng... năm... của.....

Based on the decision on temporary seizure of exhibits, vehicles associated with the administrative violations, licenses, professional practice certificates No...../QĐ-TGTVPTGPCC dated..... by.....;

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

In accordance with the Decision on delegation of power to handle administrative violations No...../QD-GQXP dated..... (if any);

Tôi *(I am)*:..... Chức vụ *(Position)*:.....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Kéo dài thời hạn tạm giữ *(tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề)*[3] đang bị tạm giữ theo Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số...../QĐ-TGTVPTGPCC ngày..../..../..... của..... có thời hạn tạm giữ là.... ngày, kể từ ngày..,./..../....., đến ngày..,./..../....., đối với *(ông/bà/tổ chức)* có tên sau đây:

Article 1. *To extend time limit for the temporary seizure of (exhibits, vehicles, licenses, professional practice certificates, which are being temporarily seized under the Decision on temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates No...../QĐ-TGTVPTGPCC dated... by... with the period of..... days, from..... to... with regard to (Mr./Mrs./Organization) whose name appears as follow:*

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính (*Sex*):.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../..... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/ Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*Place of issue*): .....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*Violating organization*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*): .....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification No.*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/ establishment Licence No.*): .....

Ngày cấp (*Date of issue*):...../...../.....; nơi cấp (*Place of issue*): .....

---

[3] Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi "**tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**"; Nếu kéo dài thời hạn tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi "**giấy phép, chứng chỉ hành nghề**"; nếu kéo dài thời hạn tạm giữ cả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi "**tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề**"/*Specify each specified case, as follows:* "***exhibits, vehicles related to the administrative violations"*** *in case of extension the period for temporary seizure of exhibits, vehicles;* ***"licenses, professional practice certificates"*** *in case of extension the period for temporary seizure of licenses, professional practice certificates*; "***exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses,*** *professional practice certificates*" *in case of extension the period for temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates.*

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[4]:.....
Giới tính *(Sex)*: .....

Chức danh (*Position*)[5]:.....

2. *(Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/Giấy phép, chứng chỉ hành nghề/Exhibits, vehicles associated with the administrative violations, licenses, professional practice certificates)* bị kéo dài thời hạn tạm giữ đã được lập biên bản kèm theo Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số (*being subjected to the extended time limit for its seizure have been recorded in the minutes attached to the Decision on temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates No.*)...../QĐ-TGTVPTGPCC ngày (*dated*)...../..../..... của (*by*).

3. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được niêm phong bị kéo dài thời hạn tạm giữ đã được lập biên bản kèm theo Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số (*the sealed exhibits, vehicles associated with the administrative violations being subjected to the extended time limit for its seizure have been recorded in the minutes attached to the Decision on temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificate No.*)...../QD-TGTVPTGPCC ngày *(dated)*...../...../..... của *(by)*..... (nếu có/*if any*).

4. Lý do kéo dài thời hạn tạm giữ (*Reasons for the extension of time limit for temporary seizure*)[6]: .....

5. Thời hạn kéo dài là (*The extended time limit shall be*)..... ngày (*days*), kể từ ngày (*from*)...../...../..... đến ngày *(to)*...../...../.....

6. Việc kéo dài thời hạn tạm giữ đã thông báo cho (*The extension of time limit has been notified to*)[7]:.....

---

[4] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

[5] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

[6] Ghi rõ lý do kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo từng trường hợp cụ thể/*Reasons for extension of seizure period of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates.*

[7] Ghi đầy đủ họ và tên người, tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức được thông báo/*Full name of notified individuals, name and address of notified agencies, organizations.*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature.*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)[8]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành *(named in Article 1 for execution).*

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)[9]... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho (*Sent to*)[10]..... để tổ chức thực hiện *(for the implementation).*

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 *(As mentioned in Article3)*
- Lưu (*Filing*):....

[8] Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề/*Full name of individuals/representative of organizations who is applied the deterrent measures to temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates according to the administrative procedures.*

[9] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề/*Full name of individuals/name of organizations who is applied the deterrent measures to temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates according to administrative procedures.*

[10] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ19

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số *(No.)*:.../QĐ-TLTVPTGPCC	..[2]., *ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On returning the exhibits, vehicles associated with the administrative violations, licenses, professional practice certificates being temporarily seized in the field of civil aviation

Căn cứ Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 126 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số:..../QĐ- TGTVPTGPCC ngày.../.../..... của .....

Based on the Decision on temporary seizure of exhibits, vehicles associated with the administrative violations, licenses, professional practice certificates No...../QD-TGTVPTGPCC dated..... by .....

Căn cứ Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số...../QĐ-KDTGTVPTGPCC ngày..../..../..... của.....(nếu có);

Based on the Decision on extension of the time limit for temporary seizure of exhibits, vehicles associated with the administrative violations, licenses, professional practice certificates No...../QD-KDTGTVPTGPCC dated..... by .....

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

In accordance with the Decision on the delegation of power to handle administrative violations No...../QD-GQXP... dated...../...../..... (if any);

Tôi (*I am*):..... Chức vụ *(Position)*:.....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Trả lại <*tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề*>[3] đã bị tạm giữ cho <*ông/bà/tổ chức*> có tên sau đây:

Article 1. *To return the exhibits, vehicles associated with the administrative violations, licenses, professional practice certificates being under temporary seizure to <Mr./Mrs./Organization> whose name appears as follow:*

<1. Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính (*Sex*):.....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../.... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp (*Occupation*): .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*Place of issue*):.....

<1. Tên tổ chức vi phạm/*violating Organization*>:.....

Địa chỉ trụ sở chính (*Head office address*):.....

Mã số doanh nghiệp (*Enterprise identification number*): .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (*Investment/enterprise registration Certificate or operation registration/ establishment Licence No.*): .....

Ngày cấp (*Date of issue*):.../..../.....; nơi cấp (*Place of issue*): .....

Người đại diện theo pháp luật (*Full name of the legal representative*)[4]:..... Giới tính *(Sex)*: .....

Chức danh (*Position*)[5] .....

---

[3] Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi «**tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**»; nếu tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi "**giấy phép, chứng chỉ hành nghề**"; nếu tạm giữ cả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi "**tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề"**/*Inscribe* ***"exhibits, vehicles related to the administrative violations»*** *in case of temporary seizure of exhibits, vehicles;* ***"licenses,*** *professional practice certificates****"*** *in case of temporary seizure of licenses, professional practice certificates*; ***«exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses,*** *professional practice certificates*» *in case of temporary seizure of exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates.*

[4] Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Full name of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; full name of the owner of the business if it is a private enterprise; Full name of the head of the organizations if it is not an enterprise.*

[5] Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp/*Position of the legal representative if it is a one member limited liability company, limited liability company with two or more members, joint stock company; position of the owner of the business if it is a private enterprise; Position of the head of the organization if it is not an enterprise.*

2. Việc trả lại (*The return of*) <*tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/giấy phép, chứng chỉ hành nghề/exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates*> được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này (*shall be recorded in the minutes attached to this Decision*).

3. Việc mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này, nếu có (*The removal of the seals applied on the exhibits, vehicles associated with the administrative violations which are temporarily seized under administrative procedures, shall be recorded in the minutes attached to this Decision, (if any).*

4. Lý do trả lại (*The reason for return*)[6] .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature*.

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*)[7]..... là cá nhân/đại diện cho tổ chức có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành *(named in Article 1 for execution)*.

Ông/bà/Tổ chức (*Mr./Mrs./Organization*)[8]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật *(reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law)*.

2. Gửi cho (Sent to)[9]..... để tổ chức thực hiện *(for the implementation)*.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận (copied to):
- Như Điều 3 *(As mentioned in Article 3);*
- Lưu *(Filing)*:....

[6] Ghi rõ lý do trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo từng trường hợp cụ thể quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính/*Describe the reason for returning exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates according to Paragraph 1 and Paragraph 2 Article 126 of Law on Handling of Administrative Violations*.

[7] Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện tổ chức được nhận lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề/*Full name of the individual/representative of organization who is entitled to retrieve the exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates according to administrative procedures*

[8] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức được nhận lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề/*Full name of the individual/organization who is entitled to retrieve the exhibits, vehicles related to the administrative violations, licenses, professional practice certificates according to administrative procedures.*

[9] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/*Name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

MQĐ20

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số *(No.)*:...../QĐ-KPTVTĐV	...[2], *ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....*

QUYẾT ĐỊNH
Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
DECISION
On inspection of transport vehicles, objects according to administrative procedures in the field of civil aviation

Căn cứ khoản 1 Điều 123 và Điều 128 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Paragraph 1 Article 123 and Article 128 of the Law on Handling of Administrative Violations;

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

*In accordance with the Decision on delegation of the power to handle administrative violations No...../*QD-GQXP*... dated...../...../..... (if any);*

Tôi *(I am)*:..... Chức vụ *(Position)*:.....

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Khám phương tiện vận tải, đồ vật[3]:.....

Article 1. *To inspect such vehicles, objects as*.....

1. Số giấy đăng ký phương tiện (*Vehicle's Registration No.*):.....; ngày cấp (*Date of issue*):...../...../..... Nơi cấp (*Place of issue*): .....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue the decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs.*

[3] Ghi cụ thể loại phương tiện vận tải hoặc đồ vật bị khám/*Specify type of transport vehicles or objects subject to the inspection.*

2. Biển số đăng ký phương tiện vận tải, nếu có (*Vehicle's plate No., if any)*[4]:...

3. Tại khu vực (*Place of inspection*)[5]: .....

4. Do ông/bà có tên sau đây là chủ phương tiện vận tải, đồ vật/người điều khiển phương tiện vận tải (*Mr./Mrs who is the owner of vehicles, items/the driver and whose name appears as follow:*):

Họ và tên/*Full name*>:..... Giới tính (*Sex*): .....

Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*):..../.../.... Quốc tịch (*Nationality*):.....

Nghề nghiệp *(Occupation):* .....

Nơi ở hiện tại (*Address*):.....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu (*Personal Identification/ID Card/Passport No.*):..... ngày cấp (*Date of issue*):.../.../.....; Nơi cấp (*Place of issue*):.....

5. Lý do khám (*The reason for inspection*)[6]:.....

6. Phạm vi khám (*The scope of inspection*)[7]: .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Article 2. *This Decision shall take effect from the date of signature.*

Điều 3. Quyết định này được giao cho:

Article 3. *This Decision shall be sent to:*

1. Giao cho ông/bà (*Handed to Mr./Mrs.*).... có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành *(named in Article 1 of this decision for execution).*

Ông/bà (*Mr./Mrs.*)[8]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật (*reserves the right to appeal, claim against this Decision in accordance with the stipulations of law).*

2. Gửi cho *(Sent to)*[9]..... để tổ chức thực hiện (*for the implementation*).

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

Nơi nhận (Copied to):
- Như Điều 3 *(As mentioned in Article 3);*
- Lưu *(Filing)*:...

[4] Ghi rõ biển số đăng ký phương tiện vận tải (ô tô, tàu bay,...)/*Vehicle's Registration No. (cars, aircrafts,..).*

[5] Ghi cụ thể địa điểm khám phương tiện vận tải hoặc đồ vật/*Place of inspection.*

[6] Ghi rõ lý do khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính theo từng trường hợp cụ thể quy định tại khoản 1 Điều 128 Luật xử lý vi phạm hành chính/*Specify the reason for inspection according to Paragraph 1 Article 128 of Law on Handling of Administrative Violations*.

[7] Ghi rõ khám một phần hay toàn bộ phương tiện vận tải hoặc đồ vật/*Specify inspection either in part or in whole of the transport vehicles, objects.*

[8] Ghi họ và tên của cá nhân đang sở hữu, quản lý, sử dụng đối với phương tiện vận tải hoặc đồ vật bị khám/*Full name of the individuals who are possessing, managing or using the transport vehicles, objects subjected to the inspection.*

[9] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì thực hiện việc/*Name of the individual/name of organizations who takes the lead responsibility to carry out the inspection.*

MQĐ21

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số *(No.)*:...../QĐ-CHS

..[2]., ngày (date)... tháng (month)... năm (year).....

QUYẾT ĐỊNH
Chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự
DECISION
On transfer of dossiers related to administrative violation in the field of civil aviations bearing criminal signs for penal liability examination

Căn cứ Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Pursuant to Article 62 of the Law on Handling of the Administrative Violations;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số.../BB-VPHC lập ngày...../...../.....;

Based on the Minutes on administrative violations No.../BB-VPHC *dated.....*

Căn cứ Quyết định tạm đình chỉ thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-TĐC ngày...../...../..... của..... (nếu có);

Based on the Decision on temporary suspension of execution the Decision on sanction the administrative violations No:.../QD-TDC date... by...(if any);

Căn cứ Quyết định về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

In accordance with the Decision on delegation of the power to handle administrative violations No...../QD-GQXP dated... (if any);

Tôi (*I am):*.....Chức vụ (*Position):* .....

[1] Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định/*Organization's name of the person who has competence to issue decision.*

[2] Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ/*Name of the location shall be written under the format guidance of the Ministry of Home Affairs*

QUYẾT ĐỊNH:
HEREBY DECIDE:

Điều 1. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm:[3] ..... đến:[4]..... để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Article 1. *transfer dossiers of administrative violation No.:... to... for penal liability examination.*

1. Hồ sơ vụ vi phạm được chuyển giao, gồm (*The dossiers transferred include*):

.....

2. Tang vật, phương tiện vi phạm được chuyển giao, gồm (*Exhibits, vehicles related to violations include*): .....

TT/ *No.*	Tên tang vật, phương tiện/ *Name of Exhibits, vehicles*	Đơn vị tính/ *Units*	Số lượng/ *Quantities*	Chủng loại/ *Categories*	Tình trạng/ *Status*	Ghi chú/ Note

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Article 2. *This decision shall take effect from the date of signature.*

Điều 3. Quyết định này được:

Article 3. *This Decision shall be:*

1. Gửi cho Ông/bà (*Sent to Mr./Mrs.*)[5]..... để thông báo (*for information).*

2. Gửi cho (*Sent to*)[6]..... để tổ chức thực hiện quyết định này (*for the implementation).*/.

Nơi nhận (copied to):
- Như Điều 3 *(As mentioned in Article 3);*
- Lưu *(Filing)*:.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Person issuing the Decision)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)
(Signature, full name, title and stamp)

[3] Ghi rõ tên, số hồ sơ vụ việc vi phạm/*Name, number of administrative violation dossier*.

[4] Ghi tên cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ, tang vật, phương tiện liên quan đến vụ việc vi phạm/*Name of the organization which receive, handle file, exhibit, vehicle related to the case*.

[5] Ghi đầy đủ họ và tên, địa chỉ của cá nhân được thông báo/*full name, address of the individuals* to be *informed.*

[6] Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định/Specify the *name of individual/organization who takes the lead responsibility to implement the Decision.*

(Xem tiếp Công báo số 693 + 694)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng